

BÁO CÁO

**sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 09-NQ/TU*) trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, tiêu dùng toàn cầu chậm lại, giá nguyên vật liệu, lãi suất ngân hàng ở mức cao; song với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp, sau 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu “*Đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng nhanh và bền vững dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân*”; kết quả cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN
KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

1. Công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết

Sau khi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết cho các đồng chí cán bộ chủ chốt của tỉnh; đồng thời chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; thông qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 122/KH-UBND*) nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ theo đúng định hướng, quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết và đưa ra 9 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết.

Để triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch số 122/KH-UBND gắn với thực hiện các Chương trình, Đề án của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 (*Sau đây gọi tắt là Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia*); UBND tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chuyển đổi số, xây dựng phát triển chính quyền điện tử hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh¹.

UBND tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số về chuyển đổi số nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của các doanh nghiệp công nghệ số, thúc đẩy nhanh hơn nữa tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh².

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết

Để chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, đồng thời phân công đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Phó trưởng Ban Chỉ đạo phụ trách chỉ đạo, đôn đốc

¹ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 01/4/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 2/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 41/KH-BCĐCĐS ngày 31/5/2022 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2022; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2022; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023; Kế hoạch số 24/KH-BCĐCĐS ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023; Kế hoạch số 54/KH-BCĐCĐS ngày 04/05/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023.

² Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam VNPT (ký ngày 23/6/2021); Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel (ký ngày 19/11/2021); Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Công ty Cổ phần FPT (ký ngày 02/8/2022).

kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Chế độ hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định được thực hiện theo Quy chế được ban hành tại Quyết định số 29/QĐ-BCĐCĐS ngày 15/4/2022.

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh thường xuyên duy trì chế độ họp, tổ chức hội nghị với các sở, ngành, các huyện, thành phố, nhiều hội nghị được triển khai đồng thời với các hội nghị của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ chủ trì được tổ chức định kỳ, hằng năm, 06 tháng, quý. Đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo thường xuyên kiểm điểm kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, kế hoạch của UBND tỉnh, đặc biệt là tại các hội nghị định kỳ của UBND tỉnh.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh tích cực triển khai sâu rộng Nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực hiện chuyển đổi số; chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Kết quả, ngay sau khi Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch số 122/KH-UBND được ban hành, 100% sở, ngành, UBND huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và ban hành Kế hoạch xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Về mục tiêu "Tỉnh Nam Định thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số".

Kết quả đánh giá, xếp hạng về mức độ chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố năm 2021 và năm 2022, tỉnh Nam Định xếp thứ 11/63 tỉnh thành phố trên cả nước, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

2. Về mục tiêu Phát triển chính quyền số

Đến nay, trong 05 mục tiêu phát triển chính quyền số tỉnh Nam Định đến năm 2025 đã có 04 mục tiêu hoàn thành và 01 mục tiêu chưa hoàn thành, cụ thể:

2.1. Mục tiêu 100% Thủ tục hành chính của tỉnh (TTHC) đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được duy trì cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (nay là dịch vụ công trực tuyến toàn trình) và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

Kết quả đến nay đã có 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được duy trì cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (nay là dịch vụ công trực tuyến toàn trình) và được cung cấp trên nhiều

phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

2.2. Mục tiêu 90% hồ sơ công việc của tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

Kết quả đến nay đã có 100% hồ sơ công việc của cấp tỉnh, cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước), vượt mục tiêu của Nghị quyết.

2.3. Mục tiêu 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Kết quả đến nay đã có 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, gồm 08 chỉ tiêu của tỉnh được cung cấp định kỳ hàng tháng trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ từ tháng 01/2019. Từ tháng 01/2022, 100% chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội, thống kê ngành, lĩnh vực của các sở, ngành, các huyện, các xã được cập nhật định kỳ theo tháng trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

2.4. Mục tiêu 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối chia sẻ với các nền tảng, hệ thống thông tin của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả đến nay đã có 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký Doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được kết nối chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

2.5. Mục tiêu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

Kết quả đến nay có 10% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý, chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết.

3. Về mục tiêu phát triển kinh tế số: Phần đầu đến năm 2025, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP

Hiện nay tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số của tỉnh chiếm khoảng 12% GRDP.

4. Về mục tiêu phát triển xã hội số

Đến nay 03/03 mục tiêu phát triển xã hội số của tỉnh đến năm 2025 đều đã hoàn thành và đạt mục tiêu của Nghị quyết, cụ thể:

4.1. Mục tiêu hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

Kết quả đến nay hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đã phủ trên 90% hộ gia đình, 100% xã, vượt mục tiêu của Nghị quyết.

4.2. Mục tiêu phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh

Kết quả đến nay có khoảng 85% dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

4.3. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%

Kết quả đến nay có khoảng 75% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép hoạt động khác, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Xác định thực hiện chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, với phương châm thực hiện chuyển đổi số là “chính quyền”, là tiên phong, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết đến từng đơn vị, cán bộ, đảng viên ở cơ sở. UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh; 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo do thủ trưởng đơn vị làm Trưởng ban và Tổ giúp việc về chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình; 100% thôn, xóm, tổ dân phố thành lập và triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Qua đó, đã có sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động trong tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch của Trung ương và

của tỉnh về chuyển đổi số được cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai kịp thời, hiệu quả.

- Xác định thực hiện chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân trên địa bàn tỉnh, tạo được sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, người dân về chuyển đổi số, cụ thể:

(1) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, lãnh đạo tỉnh Nam Định theo hình thức trực tiếp tại Hội trường UBND tỉnh và trực tuyến tới điểm cầu của 10 UBND huyện, thành phố; 226 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh cho gần 4.000 đại biểu tham dự.

(2) Hoàn thành việc tổ chức các hội nghị về chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị. Tổng số lượng đại biểu tham dự trực tiếp tại các điểm cầu là 22.780 đại biểu; số lượng người tham dự trực tiếp trên nền tảng số và các nền tảng mạng xã hội là hơn 43.000 lượt người.

(3) Phối hợp với Cục Chuyển đổi số Quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo về Chuyển đổi số xã trên nền tảng học trực tuyến mở Onetouch. Tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn với tổng số hơn 2.500 lượt người tham dự.

(4) Chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Chuyên trang của tỉnh về chuyển đổi số và Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến được xây dựng và thường xuyên cập nhật kịp thời các tin bài, văn bản, tài liệu về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

(5) Ban hành Kế hoạch số 54/KH-BCĐCĐS ngày 04/05/2023 về tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số năm 2023, trong đó Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ban, ngành Trung ương và UBND tỉnh Nam Định dự kiến tổ chức Diễn đàn Quốc gia về Kinh tế số và Xã hội số lần thứ nhất tại tỉnh Nam Định vào tháng 7/2023.

2. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tập trung phát triển, hoàn thiện hạ tầng đảm bảo thông tin liên lạc gắn với đảm bảo chất lượng phục vụ thực hiện chuyển đổi số; đến nay 100% cơ quan nhà nước được kết nối với mạng Truyền số liệu chuyên dùng chính phủ và mạng internet cáp quang tốc độ cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công

việc. 100% địa bàn tỉnh được phủ sóng điện thoại di động 3G, 4G và 100% thôn, xóm, tổ dân phố được kết nối với đường internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số do cơ quan nhà nước cung cấp.

- Triển khai các chính sách của Trung ương nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ dịch chuyển từ cung cấp dịch vụ truyền thống sang cung cấp dịch vụ số, công nghệ số. Các doanh nghiệp bưu chính viễn thông, như Bưu điện tỉnh, VNPT, Viettel, Mobifone, FPT trên địa bàn tỉnh đã dịch chuyển và cung cấp nhiều dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ số, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh nói chung và chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nói riêng. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư vào tỉnh, đã có nhiều doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam và Quốc tế khảo sát nghiên cứu, đầu tư các dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao tại tỉnh, trong đó đặc biệt là dự án đầu tư nhà máy sản xuất máy tính quy mô lớn do Tập đoàn Quanta Computer Inc đầu tư tại Khu công nghiệp Mỹ Thuận đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sẽ là tiền đề để từng bước hình thành các khu công nghiệp công nghệ cao tại tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế số của tỉnh.

- Nhằm chủ động và tạo đột phá trong việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng phát triển các nền tảng số phục vụ thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, UBND tỉnh đã cân đối và ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang chỉ đạo nghiên cứu đề đầu tư xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống quan trọng như: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Trung tâm và Nền tảng điều hành đô thị thông minh của tỉnh; Nền tảng quản lý dữ liệu điện tử dùng chung; Nền tảng Cổng dữ liệu mở,...

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Hoàn thiện, cập nhật Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 làm cơ sở tham chiếu trong triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Trục liên thông văn bản tỉnh Nam Định kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể và nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) tỉnh Nam Định hoạt động hiệu quả kết nối liên thông với hệ thống thông tin ở Trung ương.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL): Các CSDL Quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và nhiều CSDL của các Bộ, ngành Trung ương (như: CSDL Quốc gia về Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, BHXH, Đất đai, Hộ tịch,...) được kết nối, chia sẻ với các CSDL, hệ thống thông tin của tỉnh. Nhiều CSDL của tỉnh đang từng bước tạo lập trong quá trình xây dựng, phát triển các phần mềm, ứng dụng, như: CSDL kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; CSDL quản lý giống cây trồng; CSDL báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; CSDL trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; CSDL thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh,... Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh; đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng với 371 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã).

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC) vận hành 05 giải pháp và được kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và các hệ thống thông tin trong quá trình vận hành, kết nối, trao đổi.

4. Phát triển chính quyền số

4.1. Phát triển các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ số đổi mới lề lối, phương thức làm việc

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoạt động ổn định, thông tin được cập nhật đầy đủ kịp thời theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ phục vụ tốt nhu cầu khai thác, tìm kiếm thông tin, văn bản tài liệu của người dân, doanh nghiệp. Đã cập nhật được trên 10.000 tin bài, văn bản tài liệu trên Cổng, duy trì việc cập nhật trên 500 tin bài, văn bản/tháng; đến nay đã có gần 28 triệu lượt người truy cập.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai hiệu quả đến cấp xã, đảm bảo chất lượng phục vụ các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ hiệu quả các cuộc họp trực tuyến của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đến các xã. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh hoạt động ổn định, 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh và 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã đã được cấp thư điện tử công vụ để phục vụ việc trao đổi thông tin trong giải quyết công việc.

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước 3 cấp của tỉnh và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

đã sử dụng phần mềm Quản lý văn bản, điều hành và được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong điều hành, giải quyết công việc. Trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và được kết nối liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh.

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh. Các chế độ báo cáo, bộ chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ được chuẩn hóa, điện tử hóa. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, 08 chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Văn phòng Chính phủ yêu cầu được cập nhật đầy đủ, định kỳ hàng tháng. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành được các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn cập nhật thường xuyên, đảm bảo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

- Triển khai xây dựng CSDL về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nam Định (CBCCVC): Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng CSDL về CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương; đến ngày 30/5/2023, 100% hồ sơ CBCCVC tỉnh Nam Định được đồng bộ thành công vào Hệ thống CSDL quốc gia về CBCCVC do Bộ Nội vụ quản lý (thuộc trong nhóm tỉnh dẫn đầu toàn quốc về xây dựng CSDL về CBCCVC).

4.2. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh:

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh) được triển khai đến 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có gần 7 triệu lượt người truy cập. Niêm yết công khai 1.705 TTHC của tỉnh, 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết công khai trên Cổng; 100% quy trình giải quyết TTHC của tỉnh được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, qua đó đã góp phần nâng cao được chất lượng giải quyết TTHC và tăng cường được việc quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC của công chức một cửa.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với Hệ thống

đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng dịch vụ công Quốc gia; tích hợp, kết nối liên thông với nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công Quốc gia; Kết nối, chia sẻ với các CSDL, hệ thống thông tin của các Bộ, ngành Trung ương.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh cung cấp 1.186 dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh và một phần, chiếm 70% tổng số TTHC. 100% DVC trực tuyến toàn tỉnh và một phần được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Bình quân hàng năm tiếp nhận và giải quyết trên Hệ thống khoảng trên 900.000 hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp, gần 80% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trên Hệ thống đạt 99,98%.

- Tình hình triển khai thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC của người dân và doanh nghiệp: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Bình quân hàng năm có gần 170.000 hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp có phát sinh thanh toán trực tuyến.

5. Phát triển kinh tế số

- Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh như: Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel, VNPT, Viettel, Mobifone, FPT đang từng bước thực hiện việc dịch chuyển từ cung cấp các dịch vụ truyền thống như bưu chính, viễn thông, internet sang cung cấp các dịch vụ mới phục vụ chuyển đổi số như cung cấp các phần mềm, nền tảng số, dịch vụ số, logistics,... cho các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã góp phần từng bước thúc đẩy quá trình thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số để từng bước tiến hành việc chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, như: 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng hóa đơn điện tử, ứng dụng chữ ký số điện tử trong giao dịch với ngành thuế, hải quan, BHXH,... Ngoài ra hiện nay có khoảng 30% doanh nghiệp đang triển khai sử dụng các nền tảng số khác, như: nền tảng quản trị nhân lực, nền tảng quản lý tài chính, kế toán,...

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử. Theo số liệu do Bộ Công thương cung cấp, tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ của tỉnh ước đạt 7,2%, đã cơ bản đáp ứng theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công thương.

- Tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện khá phổ biến trên các nền tảng thanh toán số của các ngân hàng, đặc biệt là việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục, y tế, kinh doanh bán lẻ và trong giải quyết TTHC, thanh toán nghĩa vụ thuế về đất đai,...

6. Phát triển xã hội số

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 90% số hộ gia đình được phủ mạng internet cáp quang tốc độ cao và tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh ước đạt trên 85% đã góp phần giúp người dân dễ dàng tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số do các cơ quan nhà nước và thực hiện các hoạt động giao dịch khác phục vụ đời sống hàng ngày trên môi trường điện tử.

- Người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, đến nay tỷ lệ hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đạt trên 80%, tỷ lệ thực hiện thanh toán trực tuyến đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép hoạt động khác ước đạt 75% đã góp phần thúc đẩy người dân tham gia các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong kinh doanh bán lẻ, thanh toán các khoản phí, lệ phí trong giải quyết TTHC và lĩnh vực y tế, giáo dục.

7. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

7.1. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh; các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh đều được hoàn thành sớm và vượt so với yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ số xếp hạng về chính quyền điện tử của tỉnh trong Bộ chỉ số cải cách hành chính (Par index) năm 2022 xếp thứ 07/63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

7.2. Chuyển đổi số lĩnh vực y tế

Tập trung chỉ đạo xây dựng đề án phát triển y tế thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh đã áp dụng các nền tảng số phục vụ việc khám chữa bệnh cho người dân, trên cơ sở đó đang từng bước hình thành CSDL về bệnh án, hồ sơ sức khỏe của người dân trên địa bàn tỉnh. Hiện nay có 01 bệnh viện tuyến tỉnh đang triển khai nền tảng Bệnh án điện tử. Việc triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử đang được thực hiện thí điểm, trong thời gian tới sẽ triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

100% cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện và tuyến tỉnh đang thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong hoạt động khám chữa bệnh.

7.3. Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục

Tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng đề án phát triển giáo dục thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các cơ sở giáo dục đã triển khai đầy đủ và hiệu quả các nền tảng, phần mềm dùng chung của tỉnh trong thực hiện chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ công tác điều hành, quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của nhà trường, như: phần mềm quản lý nhà trường, các ứng dụng quản lý tài chính, tài sản, thư viện, xếp thời khoá biểu, hồ sơ, sổ sách điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành điện tử liên thông; thực hiện thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; cổng thông tin điện tử và các ứng dụng kết nối, tương tác trên nền tảng số để cung cấp và trao đổi thông tin giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và xã hội...

7.4. Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Chuyển đổi số trong ngành tài nguyên và môi trường đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực góp phần giải quyết nhiều vấn đề cấp thiết liên quan đến người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai. Tỷ lệ hồ sơ TTHC và thanh toán trực tuyến trong lĩnh vực đất đai đã có nhiều chuyển biến tích cực. Hoàn thành và đưa vào vận hành phần mềm lưu trữ điện tử chuyên ngành tài nguyên và môi trường; tập trung hoàn thành Dự án tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) và tổ chức triển khai tại các huyện, thành phố.

8. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

Công tác an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, bảo đảm, không để xảy ra tình trạng mất an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh được kết nối với các Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng của bộ, ngành Trung ương và Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia. Hoàn thành công tác bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

1.1. Kết quả đạt được

Sau 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch số 122/KH-UBND, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả quan

trọng góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số của tỉnh được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống thông tin, phần mềm, dịch vụ số dùng chung của tỉnh được tích cực triển khai đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số; công tác đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật kỹ năng số cho các cơ quan, đơn vị, người dân được triển khai đầy mạnh; nhận thức về chuyển đổi số được nâng lên rõ rệt. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đều đạt hoặc vượt so với yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó, Chỉ số xếp hạng chuyển đổi số (DTI Index) của tỉnh năm 2021, 2022 đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2022 đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố. Kinh tế số tiếp tục có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm của UBND tỉnh.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và trách nhiệm. UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Các cấp, các ngành, các địa phương từ tỉnh đến huyện đã sớm thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, hoạt động hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

- Các sở, ban, ngành, địa phương trong toàn tỉnh tích cực triển khai sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện chuyển đổi số; chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, hạn chế

- Nhận thức của một số người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức về chuyển đổi số nhất là người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ.

- Nguồn nhân lực phục vụ cho chuyển đổi số còn hạn chế và chưa đáp ứng được sự đổi mới liên tục của công nghệ

- Hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông, hệ thống cơ sở dữ liệu còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Một số doanh nghiệp chưa tích cực ứng dụng, phát triển công nghệ số; nguồn lực phục vụ cho chuyển đổi số còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc tại cơ quan, đơn vị mình.

- Đầu tư cho chuyển đổi số là đầu tư để thay đổi từ nhận thức, chiến lược, nhân lực, kết cấu hạ tầng tới giải pháp công nghệ, vì vậy, đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn và phải có lộ trình để bố trí nguồn lực.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên nguồn nhân lực, vật lực còn hạn chế để có thể áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Những mục tiêu còn lại

1.1. Mục tiêu đến năm 2025 chưa hoàn thành

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phân đấu đến năm 2025, tỷ trọng giá trị tăng thêm của Kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

1.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tỉnh Nam Định hoàn thành cơ bản chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc. Thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

- 100% hồ sơ công việc của tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

2.1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số

122/KH-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số gắn với thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa bàn phụ trách; đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số là một trong các tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua hàng năm.

2.2. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số sâu rộng đến tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, qua đó từng bước tạo sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, người dân vào tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

2.3. Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ, thống nhất về hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh chuyển dịch từ cung cấp các dịch vụ truyền thống sang cung cấp các dịch vụ số, nền tảng số làm cơ sở thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp. Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm thu hút các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu của Việt Nam và thế giới vào đầu tư tại tỉnh, làm cơ sở từng bước hình thành các Khu công nghiệp công nghệ thông tin tại tỉnh, góp phần phát triển kinh tế số của tỉnh.

2.4. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Quan tâm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo nhân lực, xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo về công nghệ.

2.5. Đôn đốc đẩy nhanh việc chuyển đổi số đối với các ngành, lĩnh vực, đảm bảo hiệu quả, chất lượng; trong đó tập trung các nguồn lực để sớm hoàn thành đối với các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong Nghị quyết số 09-NQ/TU là xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số lĩnh vực y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường. Triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.6. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu. Xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp kỹ thuật nhằm kiểm tra, phát hiện các nguy cơ gây mất an ninh thông tin; đảm bảo xử lý kịp thời các nguy cơ gây mất an ninh, đe dọa gây mất an ninh thông tin.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (*để báo cáo*),
- Các ban đảng Trung ương,
- Các đ/c ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. *B*

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



[Signature]

Lê Quốc Chính